TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-PT
Ngày 08 – 01– 2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Đặng Minh Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Từ Thanh Thuỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 450/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc: tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 349/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn G, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Đặng Văn G:* Ông Trần Chi L, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

-*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Chị Lê Khánh L1, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :* Ông Lê Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Lê Văn C: Chị Lê Khánh L1, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Đặng Văn G, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Đặng Văn G trình bày:

Ông G với bà P quen biết nhau nên ông G nhờ bà P tham gia 01 chưng hụi do bà Nguyễn Bích T ở ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau làm chủ hụi, loại hụi

3.000.000 đồng, 15 ngày khui 1 lần, mở vào ngày 15/8/2021 âm lịch, dây hụi gồm 47 chưng. Bà P có ghi 1 giấy tay nội dung xác nhận có vô hụi dùm cho ông G. Ông G đóng hụi cho đến khi mãn hụi vào ngày 15/6/2023 âm lịch, tổng số tiền hốt hụi được 138.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.100.000 đồng và tiền đóng kỳ hụi đầu 3.000.000 đồng, còn lại số tiền hụi là 132.900.000 đồng.

Do bà P không giao tiền hụi cho ông G, nên ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà P giao lại cho ông G số tiền hụi 132.900.000 đồng.

Ông G không thừa nhận khoản nợ ông C theo biên nhận ngày 05/7/2021 âm lịch, số tiền 137.830.000 đồng vì cho rằng đó là xác nhận tạm thời khoản tiền xuất – nhập từ ngày 19/6/2021 về sau và các chi phí khác, còn đối với các khoản tiền đã chuyển vào tài khoản của ông C trước đó chưa đối chiếu do ông C không cung cấp sao kê Ngân hàng đối chiếu, nên ông G chỉ thừa nhận nợ ông C 110.270.000 đồng (là tiền vay ông C 68.400.000 đồng và chi phí khác 41.870.000 đồng) và thừa nhận có ghi dòng chữ "Giác đồng ý trả A6 Chơn tháng 14 triệu" là do ông G ghi.

Ông G yêu cầu phản tố yêu cầu độc lập của ông C, yêu cầu ông C và bà P có trách nhiệm trả lại số tiền dư trong tài khoản ông C là 117.337.550 đồng. Căn cứ: Dựa vào sao kê tài khoản ông C trong thời gian làm ăn chung với ông G, đối trừ khoản tiền được chuyển vào tài khoản ông C 1.716.975.000 đồng (tiền trong tài khoản 1.672.975.000 đồng + tiền mặt 44.000.000 đồng), trừ với khoản tiền chi trả 1.489.367.450 đồng, còn lại trong tài khoản số tiền 227.607.550 đồng. Đối trừ khoản tiền dư trong tài khoản 227.607.550 đồng với tiền ông G thừa nhận nợ ông C 110.270.000 đồng, ông C còn nợ lại ông G 117.337.550 đồng.

Ông G yêu cầu bà P và ông C liên đới trả tổng số tiền là 250.237.550 đồng (trong đó tiền hụi 132.900.000 đồng; tiền nợ 117.337.550 đồng).

- Theo bà Nguyễn Thị P trình bày:

Trước đây ông G có nợ ông Lê Văn C (chồng bà P) số tiền 137.830.000 đồng, có biên nhận ngày 05/7/2021. Do ông G không có khả năng trả nên thỏa thuận ông G nhờ bà P vô dùm chưng hụi 3.000.000 đồng, 15 ngày khui 1 lần, hụi gồm 47 chưng, mở ngày 15/8/2021 âm lịch, bà P có viết giấy tay thể hiện vô dùm chưng hụi cho ông G, mục đích vô hụi là để cuối hụi hốt trả nợ cho ông C.

Đến ngày 15/6/2023 âm lịch hụi mãn, bà P hốt tổng số tiền hụi 138.000.000 đồng, trừ tiền cò 2.100.000 đồng và kỳ hụi đầu ông G không đóng 3.000.000 đồng, còn lại tiền hụi là 132.900.000 đồng; đến ngày 29/6/2023 chủ hụi giao tiền cho bà P. Khi nhận được tiền hụi, bà P có liên hệ với ông G gặp để tính toán tiền nợ với nhau nhưng ông G không đến gặp mà kiện ra Tòa án. Do đó, bà P không chấp nhận khởi kiện của ông G, đề nghị cấn trừ với khoản nợ 137.830.000 đồng với tiền hụi.

- Theo ông Lê Văn C trình bày:

Ông C chạy xe 07 chỗ, có chạy thuê cho ông G và thỏa thuận: Ông C vận chuyển cua giống cho ông G đến những người mua bán cua với ông G và thay ông G nhận, trả tiền cua với các chủ mua bán cua giống. Do ông G không có tài khoản Ngân hàng nên ông C dùng số tài khoản đứng tên ông C 7509205019810 để giao dịch nhận tiền và chuyển tiền trong quá trình mua bán cua giống cho ông G, thời gian từ ngày 19/01/2021 âm lịch đến ngày 05/7/2021 âm lịch. Ngoài giao dịch

bằng tài khoản thì còn có thanh toán tiền mặt với các chủ mua bán cua. Thường lệ thì 01 tuần đôi bên chốt nợ cuối cùng. Tại biên bản chốt nợ cuối cùng ngày 05/7/2021 âm lịch thì ông G còn nợ lại ông số tiền 137.830.000 đồng, biên bản do ông C viết, dòng "Giác gởi A6 Chơn tháng 14 triệu" là chữ do ông G ghi. Nhưng ông G không thực hiện trả nợ nên thỏa thuận với bà P là ông G tham gia hụi, đóng hụi để hốt hụi thanh toán tiền cho ông C. Nay ông C yêu cầu ông G trả nợ 137.830.000 đồng, cấn trừ tiền hụi bà P 132.900.000 đồng, buộc ông G trả tiếp 4.930.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn G đối với bà Nguyễn Thị P, Lê Văn C đòi tiền hụi còn nợ là 132.900.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn C đối với ông Đặng Văn G đòi tiền nợ là 137.830.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu cấn trừ của ông C đối với ông G, buộc ông G thanh toán tiếp 4.930.000 đồng cho ông C.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn G đòi ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị P liên đới trả số tiền 117.337.550 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/9/2024, ông Đặng Văn G có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông G, buộc Lê Văn C và bà Nguyễn Thị P liên đới trả cho ông G số tiền 250.236.550 đồng (trong đó tiền hụi còn nợ là 132.900.000 đồng và tiền dư qua tài khoản ông C là 117.337.550 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông Đặng Văn G giữ nguyên kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông L phát biểu: Việc ông G nhờ bà P vô hụi dùm là có thật, được các đương sự thừa nhận. Đối với biên nhận nợ ông G ký ngày 05/7/2021al nợ ông C 137.830.000 đồng là ký tạm thời. Theo bản sao kê Ngân hàng, số tiền ông G chuyển cho ông C là 1.716.975.000 đồng; tổng số tiền ông C đã chi là 1.489.367.450 đồng; như vậy số tiền còn lại trong tài khoản của ông C là 227.607.550 đồng, ông C phải trả lại cho ông G. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông G, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G.

Chị L1 phát biểu: Đại diện của nguyên đơn cho rằng biên nhận nợ ngày 05/7/2021al nguyên đơn ký tạm thời là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Đặng Văn G, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với yêu cầu của ông G yêu cầu bà P trả lại tiền hụi: Bà P thừa nhận

ông G có nhờ bà P tham gia dùm 01 chưng hụi, loại hụi 3.000.000 đồng; số tiền hụi hốt được sau khi trừ hoa hồng và tiền hụi đóng kỳ đầu, còn lại số tiền được hưởng là 132.900.000 đồng, hiện nay bà P1 đang quản lý. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông G, buộc bà P trả lại số tiền hụi 132.900.000 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu của ông C yêu cầu ông G trả số tiền nợ 137.830.000 đồng: Ông G và ông C thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 8/2021 giữa ông G và ông C có giao dịch làm ăn với nhau, cụ thể: Ông G là người mua bán cua giống tại địa phương, ông C có xe ô tô chở hàng chở thuê; thời gian đầu ông G thuê ông C vận chuyển cua giống từ đại lý về và chở đi giao cho khách hàng, ông G trả tiền thuê xe vận chuyển và tiền nhờ mua một số đồ dùng phục vụ đóng gói cua giống. Sau đó, để thuận tiện nên ông G dùng số tài khoản của ông C là số tài khoản "7509205019810" Ngân hàng A để khách hàng mua cua giống chuyển trả, và chuyển trả tiền mua cua giống cho đại lý, còn dư thì rút tiền mặt để giao cho ông G, ông G trả phí chuyển khoản cho ông C. Đến ngày 05/7/2021, giữa ông C và ông G có đối chiếu với nhau, ông G nợ ông C số tiền là 137.830.000 đồng, ông G có ký tên thừa nhận nợ và có ghi "Giác đồng ý trả A6 Chơn tháng 14 triệu". Đối với trình bày của ông G và người đại diện của ông G cho rằng việc ông G ký xác nhận nợ là tạm thời, do chưa cung cấp được tài liệu sao kê tài khoản Ngân hàng để đôí chiếu. Đồng thời ông G và người đại diện của ông G không thừa nhận số tiền nợ ông C 137.830.000 đồng, mà chỉ thừa nhận số tiền nợ là 110.270.000 đồng, nhưng ông G và người đại diện của ông G không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Do đó, trình bày của ông G và người đại diện của ông G là chưa có cơ sở để chấp nhận; Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc ông G trả cho ông C số tiền nợ 137.830.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của ông G yêu cầu ông C và bà P liên đới trả số tiền 117.337.550 đồng: Ông G cho rằng tài liệu sao kê tài khoản của Ngân hàng cung cấp, thì số tiền ông đã chuyển vào tài khoản của ông C và ông C nhận tiền mặt tổng số tiền là 1.716.975.000 đồng; số tiền ông C chuyển trả cho khách hàng tính đến hết ngày 29/7/2021 là 1.489.367.450 đồng. Đối trừ số tiền ông C nhận và số tiền ông C đã chi thì số tiền còn lại là 227.607.550 đồng, ông C phải trả lại cho ông G. Đối trừ số tiền ông C phải trả lại cho ông G 222.607.550 đồng với số tiền ông G nợ ông C 110.270.000 đồng thì ông C còn phải trả cho ông G 117.337.550 đồng. Xét thấy, trong quá trình giao dịch làm ăn giữa ông G và ông C, phía ông C xác định việc ông C chi trả đối với khoản tiền ông G chuyển vào tài khoản, ngoài chi chuyển khoản còn chi bằng tiền mặt. Hơn nữa, đối chiếu về thời gian ngày 05/7/2021al (ngày ông G và ông C đối chiếu nợ) là nhằm ngày 12/8/2021dl. Tại phiên toà, người đại diện của ông G cũng xác định mốc thời gian sao kê tài khoản tại Ngân hàng nằm trong mốc thời gian đã đối chiếu nợ ngày 05/7/2021al giữa ông C và ông G. Đối với người đại diện của nguyên đơn cho rằng ông G ký biên nhận nợ ngày 05/7/2021al là ký tạm thời là không có căn cứ. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông G là có căn cứ.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ; do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Đặng Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm ông G phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn G.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn G đối với bà Nguyễn Thị P, Lê Văn C đòi tiền hụi còn nợ là 132.900.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn C đối với ông Đặng Văn G đòi tiền nợ là 137.830.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu cấn trừ của ông C đối với ông G, buộc ông G thanh toán tiếp 4.930.000 đồng cho ông C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn G đòi ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị P liên đới trả số tiền 117.337.550 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn G chịu án phí 300.000 đồng (đối với số tiền 4.930.000 đồng). Án phí yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 5.866.878 đồng (đối với số tiền 117.336.550 đồng); tổng án phí chịu là 6.166.878 đồng. Ngày 12/10/2023, ông G dự nộp tạm ứng án phí 3.375.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0016300 và ngày 28/8/2024 ông G dự nộp tạm ứng án phí yêu cầu phản tố số tiền 2.933.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014141 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, đối trừ ông G được nhận lại 141.122 đồng.

Ông Lê Văn C không phải chịu án phí. Ngày 06/12/2023, ông C dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013788 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn G phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30/9/2024, ông G đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0014147 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập